

Bản án số: 55/2017/HSST
Ngày 15/8/2017.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TL - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lại Xuân Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Lung;

2. Bà Cù Thị Thu.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Thế Dũng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TL - tỉnh Hà N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TL, tỉnh Hà N, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 41/2017/HSST ngày 29 tháng 6 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2017/HSST-QĐ ngày 01/8/2017, đối với bị cáo:

+ Trịnh Văn P, sinh năm 1982; nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà N; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt N; con ông Trịnh Văn P1 và bà Trịnh Thị T (đều đã chết); vợ Nguyễn Thị Q và có 02 con, lớn sinh năm 2005, nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2017 đến ngày 16/4/2017 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà N, có mặt.

*** Người bị hại:**

1. Ông Hoàng Thanh N - sinh năm 1968; có mặt.

2. Bà Phạm Thị Thu H - sinh năm 1971; có đơn xin vắng mặt.

Cùng nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn DX, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà N;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nguyễn Thị Q - sinh năm 1984; nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã ĐX, thành phố PL, tỉnh Hà N, có mặt;

*** Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Văn D - sinh năm 1965, vắng mặt;
2. Ông Hoàng Ngọc C - sinh năm 1950, vắng mặt;

Cùng nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn DX, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 30 Pt ngày 07/4/2017, Trịnh Văn P điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 90B2-129.33 từ nhà đến xã TH, huyện TL với mục đích tìm xem nhà nào sơ hở trong việc quản lý tài sản để trộm cắp. Khi đi, P mang theo 01 búa đinh, 01 chiếc tô vít dùng để cạy phá đồ vật khi cần để sẵn trong cốp xe. Khi đi qua nhà ông Hoàng Thanh N và bà Phạm Thị Thu H ở thôn DX, xã TH, P quan sát thấy cửa cổng, cửa nhà khóa và bên trong không có ai ở nhà nên nảy sinh ý định vào trộm cắp tài sản. P dắt xe máy ra để ở gần Trạm y tế xã TH rồi mở cốp xe lấy búa và tô vít mang theo đi bộ đến bờ tường bao phía trước cửa nhà, ném búa và tô vít qua tường rồi trèo vào trong sân nhà ông N. P lấy 01 con dao phay có sẵn ở nhà ông N để trên chiếc xe chở rau, rồi đi lên hiên nhà sử dụng dao, búa, tô vít đục phá khóa cánh cửa gỗ phía trước bên phải đột nhập vào trong nhà. Tại đây, P lục tìm tài sản ở tầng một nhưng không tìm thấy tài sản gì có giá trị nên tiếp tục lên tầng hai vào phòng bên phải cầu thang là phòng ngủ của vợ chồng ông N nhưng cửa phòng khóa. P dùng búa đập nhiều nhát làm vỡ ô cửa gỗ phía dưới rồi chui qua lỗ thủng vào trong. Quan sát phòng, P phát hiện có một chiếc két sắt Việt Tiệp kê sát tường bên trái. P lấy chăn vải trên giường trải ra nền gạch, dùng hai tay lật úp mặt trước két sắt xuống mặt chăn. Khi P chuẩn bị dùng búa, dao, tô vít phá két sắt lấy tài sản bên trong két thì bị quần chúng nhân dân phát hiện, lực lượng Công an bắt quả tang.

*** Kết quả khám nghiệm hiện trường xác định :**

- Tại hộc gỗ Đông Bắc cửa ra vào tầng 1 nhà ông N phát hiện dấu vết cạy, đục, phá gỗ hướng từ ngoài vào trong và bẫy từ trong ra ngoài, phần hè phía dưới cửa rải rác nhiều mảnh gỗ vụn, mặt gỗ.

- Tại gầm cầu thang phát hiện 01 chiếc búa đinh dài 36cm cán bằng gỗ màu vàng dài 33 cm;

- Tại hành lang phía trước cửa ra vào phòng ngủ của vợ chồng ông N trên tầng 2 phát hiện đám mặt gỗ, mảnh gỗ vụn và 01 tấm gỗ ốp cửa kích thước (28 x 63)cm;

- Tại vị trí két sắt phòng ngủ, két sắt bị đổ úp ra sàn, đáy két sắt cách tường phía đông 30cm, két chưa bị cạy phá;

- Tại vị trí cách đầu giường phía bắc 01m phát hiện 01 chiếc tô vít dài 20cm cán nhựa màu đỏ trắng đen đã qua sử dụng. Cách vị trí tô vít 20cm về phía

Đông N phát hiện 01 con dao phay dài 40cm cán gỗ, lưỡi kim loại màu đen đã qua sử dụng;

- 01 chiếc mô tô nhãn hiệu Ablade màu vàng, biển kiểm soát 90B2-129.33 đã qua sử dụng.

* Vật chứng thu giữ: 01 chiếc búa đinh, 01 tô vít, 01 dao phay, 01 tấm gỗ ốp cửa kích thước (28 x 63)cm, nhiều mảnh gỗ nhỏ màu nâu, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Ablade biển kiểm soát 90B2-129.33.

Thu giữ trên người Trịnh Văn P: Số tiền 471.000 đồng, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe, 01 đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe máy (đều mang tên Trịnh Văn P).

Kiểm tra bên trong két sắt loại Việt Tiệp nhà ông N thu giữ: 59 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, 80 tờ tiền Polime mệnh giá 20.000 đồng, 01 túi nilon bên trong có 02 miếng kim loại màu vàng, mỗi miếng có kích thước (5x3)cm và 02 tờ đảm bảo tuổi vàng, 01 dây chuyền kim loại màu vàng dài 40cm có đeo mặt đá hình trái tim màu trắng, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có đính đá trắng, 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 40cm, 01 hóa đơn bán hàng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 13 ngày 14/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện TL kết luận: Trị giá số tài sản là vàng thu giữ trong két sắt là 103.481.000 đồng.

Như vậy số tài sản mà P muốn chiếm đoạt trong két sắt có trị giá: Tiền mặt 1.895.000 đồng, vàng 103.481.000 đồng; tổng trị giá là 105.376.000 đồng.

Ngày 15/4/2017, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông Hoàng Thanh N các tài sản thu giữ trong két sắt gồm tiền và vàng. Gia đình ông N đã nhận lại các tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường. Đối với phần thiệt hại về cánh cửa nhà và cánh cửa phòng ngủ, gia đình ông N không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Bản cáo trạng số 50/KSĐT ngày 28/6/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL đã truy tố Trịnh Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TL giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 18; Điều 52; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự - Xử phạt Trịnh Văn P từ 20 tháng đến 24 tháng tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo; buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 tô vít, 01 búa đinh, 01 dao phay, 01 tấm gỗ và nhiều mảnh gỗ nhỏ; tịch thu sung quỹ nhà nước $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90B2-129.33; trả lại cho chị Nguyễn Thị Q $\frac{1}{2}$ trị giá chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90B2-129.33, tạm giữ giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm của xe để đảm bảo công tác thi hành án; trả lại cho Trịnh Văn P 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe và số tiền 471.000 đồng. Bị cáo Trịnh Văn P thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và xin

Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị Q có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho chị 01 xe máy biển kiểm soát 90B2-129.33. Người bị hại đề nghị xử phạt bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện TL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, một lần nữa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng đã thu giữ, bản kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu sài, khoảng 07 giờ 45 Pt ngày 07/4/2017, Trịnh Văn P đã lén lút đột nhập vào nhà ông Hoàng Thanh N ở thôn DX, xã TH, huyện TL, tỉnh Hà N. Khi P đang chuẩn bị cạy, phá kết sắt của nhà ông N để lấy trộm tài sản bên trong kết sắt, thì bị lực lượng Công an và quần chúng nhân dân phát hiện, bắt quả tang. Tiền và các tài sản bên trong kết sắt mà P định trộm cắp có trị giá là 105.376.000 đồng.

[3] Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa pH. Bản thân bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Chiếm đoạt tài sản có giá trị hơn năm mươi triệu đồng và dưới hai trăm triệu đồng. Vì vậy, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TL truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

Xét về nhân thân bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu - Ngày 15/10/2001, bị cáo bị Ủy ban nhân dân tỉnh Hà N Q định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc thời hạn 24 tháng, chấp hành xong ngày 17/8/2003; ngày 23/01/2014, bị Công an thành phố PL xử phạt hành chính 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, chưa chấp hành nộp phạt; đến nay đã hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, vợ bị cáo đang mang thai; nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Qua xem xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, lười lao động, chiếm đoạt tài sản có giá trị lớn; nên cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp chưa đạt, được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự; nên Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào quy định tại Điều 47 và Điều 52 của Bộ luật hình sự khi Q định hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*”. Xét thấy bị cáo lao động tự do, không có nghề nghiệp thu nhập ổn định, có hoàn cảnh gia đình khó khăn, nên Hội đồng xét xử Q định miễn áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện TL đã xác minh và trả lại cho người bị hại những tài sản, giấy tờ gồm: 59 tờ tiền mệnh giá 5.000 đồng, 80 tờ tiền Polime mệnh giá 20.000 đồng, 01 túi nilon bên trong có 02 miếng kim loại màu vàng, mỗi miếng có kích thước (5x3)cm và 02 tờ đảm bảo tuổi vàng, 01 dây chuyền kim loại màu vàng dài 40cm có đeo mặt đá hình trái tim màu trắng, 01 đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có đính đá trắng, 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng dài 40cm, 01 hóa đơn bán hàng; là phù hợp pháp luật.

+ Đối với 01 tô vít, 01 búa đinh, 01 dao phay là công cụ P sử dụng thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị; 01 tấm gỗ và nhiều mảnh gỗ do bị cáo đục phá cửa nhà, cửa phòng để đột nhập trộm cắp, không còn giá trị; nay sẽ căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy.

+ Đối với 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Aiblade biển kiểm soát 90B2-129.33 mà P sử dụng làm pH tiện đi trộm cắp tài sản: Đây là tài sản chung của vợ chồng bị cáo trong thời kỳ hôn nhân. Chị Nguyễn Thị Q là vợ của bị cáo, không có lỗi trong việc bị cáo sử dụng chiếc xe đó làm pH tiện phạm tội. Căn cứ Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu sung quỹ nhà nước ½ trị giá chiếc xe và trả lại cho chị Nguyễn Thị Q ½ trị giá chiếc xe này. Tạm giữ giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm của xe để đảm bảo việc thi hành án.

+ Đối với các giấy tờ của Trịnh Văn P gồm 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe (đều mang tên Trịnh Văn P) và số tiền 471.000 đồng: Đây là các tài sản, giấy tờ hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội; vì vậy sẽ được trả lại cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Ông Hoàng Thanh N và bà Phạm Thị Thu H không yêu cầu bị cáo bồi thường và không có yêu cầu gì khác, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải Q.

[6] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Trịnh Văn P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; Điều 18; Điều 52; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 33 của Bộ luật hình sự - Xử phạt bị cáo Trịnh Văn P 20 (Hai mươi) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 07/4/2017.

2. Xử lý vật chứng:

- Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự và Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 01 tô vít, 01 búa đinh, 01 dao phay, 01 tấm gỗ và nhiều mảnh gỗ nhỏ.

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước ½ trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 90B2-129.33.

+ Trả lại cho chị Nguyễn Thị Q ½ trị giá chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade biển kiểm soát 90B2-129.33.

+ Tạm giữ giấy chứng nhận đăng ký xe và giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm của xe để đảm bảo việc thi hành án.

+ Trả lại cho Trịnh Văn P 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe (đều mang tên Trịnh Văn P) và số tiền 471.000 đồng.

(Chi tiết vật chứng như trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/7/2017 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện TL với Chi cục Thi hành án dân sự huyện TL. Số tiền theo Ủy nhiệm chi chuyển khoản, chuyển tiền điện tử số 27 lập ngày 04/7/2017 tại Kho bạc Nhà nước huyện TL).

3. Án phí: Áp dụng Điều 99 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội - Buộc bị cáo Trịnh Văn P phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Hà N
- Công an huyện TL;
- Viện kiểm sát huyện TL;
- Chi cục THA huyện TL;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lại Xuân Cảnh